



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0101463614 ngày 14 tháng 2 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 14 tháng 2 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên
Ông Phan Quang Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên (từ ngày 22/4/2024)
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên (đến ngày 22/4/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quang Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Diễm Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/11/2024)

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Đinh Thị Kiều Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn
Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Phay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00243-25-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		924.919.895.452	825.728.492.434
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	64.985.556.982	94.581.864.596
Tiền	111		64.985.556.982	94.581.864.596
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		185.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	185.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.289.166.101	145.208.680.240
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	129.577.770.798	119.272.129.943
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	17.739.866.476	18.907.699.805
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	28.105.846.065	27.334.571.739
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(19.134.317.238)	(20.305.721.247)
Hàng tồn kho	140	10	517.055.913.768	579.734.803.991
Hàng tồn kho	141		517.055.913.768	579.734.803.991
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.589.258.601	6.203.143.607
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.048.022.292	1.984.914.182
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		95.458.172	247.838.133
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	445.778.137	3.970.391.292

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		857.977.338.079	913.371.249.440
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.128.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		1.128.000.000	-
Tài sản cố định	220		236.499.716.127	249.904.488.479
Tài sản cố định hữu hình	221	11	228.918.200.990	247.524.148.102
Nguyên giá	222		762.832.245.314	740.785.606.380
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(533.914.044.324)	(493.261.458.278)
Tài sản cố định vô hình	227	12	7.581.515.137	2.380.340.377
Nguyên giá	228		14.854.335.312	8.828.935.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.272.820.175)	(6.448.594.935)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.023.751.918	12.445.734.140
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	9.023.751.918	12.445.734.140
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	537.528.324.030	584.768.982.685
Đầu tư vào công ty con	251		615.700.000.000	615.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	66.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(144.171.675.970)	(96.931.017.315)
Tài sản dài hạn khác	260		73.797.546.004	66.252.044.136
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	73.797.546.004	66.252.044.136
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.782.897.233.531	1.739.099.741.874

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		527.332.952.439	445.490.650.767
Nợ ngắn hạn	310		525.332.952.439	443.490.650.767
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	142.095.686.716	156.569.517.313
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.407.113.133	1.367.864.210
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	26.685.729.417	8.369.503.929
Phải trả người lao động	314		30.086.883.233	21.573.616.875
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.401.962.831	2.736.654.795
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.987.506.285	4.226.045.174
Vay ngắn hạn	320	20	311.949.385.549	237.450.918.173
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	5.718.685.275	11.196.530.298
Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		2.000.000.000	2.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.255.564.281.092	1.293.609.091.107
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.255.564.281.092	1.293.609.091.107
Vốn cổ phần	411	23	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	369.064.672.161	369.064.672.161
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.033.094.240	92.077.904.255
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.524.571.093	8.534.976.131
- LNST năm nay	421b		46.508.523.147	83.542.928.124
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.782.897.233.531	1.739.099.741.874

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng




Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	1.842.642.684.543	1.680.328.665.045
Giá vốn hàng bán	11	28	1.382.691.020.105	1.318.080.065.561
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		459.951.664.438	362.248.599.484
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	27.346.170.073	86.197.099.437
Chi phí tài chính	22	30	66.501.000.062	36.287.274.657
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.991.985.164	24.659.161.795
Chi phí bán hàng	25	31	257.773.212.912	213.779.846.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	89.405.673.670	77.990.867.004
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		73.617.947.867	120.387.710.764
Thu nhập khác	31	33	4.791.123.674	1.955.706.219
Chi phí khác	32	34	2.890.994.027	2.824.551.923
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.900.129.647	(868.845.704)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		75.518.077.514	119.518.865.060
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	12.986.291.257	8.371.363.774
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		62.531.786.257	111.147.501.286

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng




Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	75.518.077.514	119.518.865.060
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	45.018.130.942	44.086.033.232
Các khoản dự phòng	03	46.069.254.646	7.705.838.838
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	148.745.747	(2.607.316.850)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(20.875.830.761)	(82.026.311.443)
Chi phí lãi vay	06	12.991.985.164	24.659.161.795
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	158.870.363.252	111.336.270.632
Biến động các khoản phải thu	09	2.881.318.115	(16.882.137.094)
Biến động hàng tồn kho	10	62.678.890.223	90.273.177.455
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	3.869.922.168	62.624.064.567
Biến động chi phí trả trước	12	(7.998.363.120)	(1.288.018.034)
		220.302.130.638	246.063.357.526
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.767.279.548)	(24.659.161.795)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.316.977.759)	(6.696.229.571)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.076.839.694)	(12.027.297.394)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	190.141.033.637	202.680.668.766
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(31.659.641.808)	(40.153.927.799)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	265.545.453	-
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(255.000.000.000)	-
Tiền bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	70.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	18.924.175.719	82.026.311.443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(197.469.920.636)	41.872.383.644

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	865.021.707.783	854.797.537.823
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(790.523.240.407)	(1.018.849.826.125)
Tiền trả cổ tức	36	(96.775.568.040)	(56.704.789.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.277.100.664)	(220.757.077.902)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(29.605.987.663)	23.795.974.508
Tiền đầu năm	60	94.581.864.596	68.220.720.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.680.049	2.565.169.352
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	64.985.556.982	94.581.864.596

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởngLê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2024: 2 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 14.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng công ty có 341 nhân viên (1/1/2024: 338 nhân viên).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 năm đến 8 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 Tòa nhà Mipec, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iii) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	5.079.616.354	2.869.665.442
Tiền gửi ngân hàng	59.905.940.628	91.712.199.154
	64.985.556.982	94.581.864.596

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các Ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất từ 5,3% đến 5,6% một năm. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các bên liên quan		
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	369.817.800	233.843.500
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Công ty mẹ		
Công ty Xăng dầu Nghệ An	3.674.799.530	4.232.926.322
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	3.423.609.401	3.763.958.377
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	1.187.739.871	4.231.120.861
Các công ty con khác của Công ty mẹ	43.505.316.598	50.427.376.874
	<hr/> 52.161.283.200	<hr/> 62.889.225.934
Các bên khác		
Total Lubrifiants Hong Kong Limited	4.913.206.255	4.479.030.500
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
Các khách hàng khác	65.036.804.432	44.437.396.598
	<hr/> 77.416.487.598	<hr/> 56.382.904.009
	<hr/> 129.577.770.798	<hr/> 119.272.129.943

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các bên liên quan		
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Công ty mẹ	156.000.000	474.941.530
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện Việt Nam	3.453.990.252	2.721.346.400
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại THT	2.718.311.824	4.111.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại B.E.E	1.972.344.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 – ICIC	1.470.000.000	2.358.638.510
Các nhà cung cấp khác	7.969.220.400	9.241.773.365
	<hr/> 17.739.866.476	<hr/> 18.907.699.805

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các công ty liên quan		
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con	3.737.907.130	5.142.904.461
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	18.978.897.839	16.212.407.171
	<hr/>	<hr/>
	22.716.804.969	21.355.311.632
Các bên khác		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	1.247.660.235	2.780.511.845
Lãi tiền gửi dự thu	1.461.403.973	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.679.976.888	3.198.748.262
	<hr/>	<hr/>
	28.105.846.065	27.334.571.739

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2024				1/1/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-
Công ty TNHH MTV Hàng hải Viễn Đông	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoàng Phát	Trên 3 năm	1.026.286.342	(1.026.286.342)	-	Trên 3 năm	1.326.286.342	(1.326.286.342)	-
Các công ty khác	Trên 3 năm	5.228.291.472	(5.228.291.472)	-	Trên 3 năm	5.666.938.390	(5.666.938.390)	-
Các công ty khác	2 - 3 năm	241.600.907	(169.120.635)	72.480.272	2 - 3 năm	1.192.175.648	(834.522.954)	357.652.694
Các công ty khác	1 - 2 năm	622.794.964	(311.397.482)	311.397.482	1 - 2 năm	261.600.907	(130.800.454)	130.800.453
Các công ty khác	6 tháng - 1 năm	1.200.686.417	(360.205.925)	840.480.492	6 tháng - 1 năm	1.027.192.413	(308.157.725)	719.034.688
		20.358.675.484	(19.134.317.238)	1.224.358.246		21.513.209.082	(20.305.721.247)	1.207.487.835
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn			(19.134.317.238)				(20.305.721.247)	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	20.305.721.247	20.243.307.005
Trích lập trong năm	1.051.411.414	62.414.242
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.222.815.423)	-
Số dư cuối năm	19.134.317.238	20.305.721.247

10. Hàng tồn kho

	31/12/2024 VND	Giá gốc 1/1/2024 VND
Hàng mua đang đi trên đường	39.942.794.426	60.520.712.617
Nguyên vật liệu	223.924.628.063	291.042.800.973
Công cụ và dụng cụ	8.110.405.233	5.563.506.661
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.212.269.685	37.397.303.934
Thành phẩm, hàng hóa	197.865.816.361	185.210.479.806
	517.055.913.768	579.734.803.991

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	293.142.637.960	354.558.439.341	60.913.832.813	32.170.696.266	740.785.606.380
Tăng trong năm	1.965.241.044	18.022.886.824	-	3.285.548.125	23.273.675.993
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	924.529.455	-	924.529.455
Thanh lý	-	-	(2.019.966.514)	(131.600.000)	(2.151.566.514)
Số dư cuối năm	295.107.879.004	372.581.326.165	59.818.395.754	35.324.644.391	762.832.245.314
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	190.542.142.943	241.036.054.412	37.291.917.565	24.391.343.358	493.261.458.278
Khấu hao trong năm	15.691.318.418	20.796.095.318	3.703.169.548	2.613.569.276	42.804.152.560
Thanh lý	-	-	(2.019.966.514)	(131.600.000)	(2.151.566.514)
Số dư cuối năm	206.233.461.361	261.832.149.730	38.975.120.599	26.873.312.634	533.914.044.324
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	102.600.495.017	113.522.384.929	23.621.915.248	7.779.352.908	247.524.148.102
Số dư cuối năm	88.874.417.643	110.749.176.435	20.843.275.155	8.451.331.757	228.918.200.990

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 209.356 triệu VND (1/1/2024: 201.705 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	8.828.935.312
Tăng trong năm	1.929.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.096.400.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	14.854.335.312
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.448.594.935
Khấu hao trong năm	824.225.240
	<hr/>
Số dư cuối năm	7.272.820.175
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.380.340.377
Số dư cuối năm	7.581.515.137
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có tài sản với nguyên giá 5.349 triệu VND (1/1/2024: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	12.445.734.140	8.426.073.231
Tăng trong năm	1.598.947.233	11.231.005.648
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(924.529.455)	(6.361.344.739)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(4.096.400.000)	(850.000.000)
Số dư cuối năm	9.023.751.918	12.445.734.140

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự án Kho Đà Nẵng	8.275.751.918	7.971.073.231
Phần mềm kế toán	748.000.000	3.686.760.000
Tài sản chờ lắp đặt và các công trình khác	-	787.900.909
	9.023.751.918	12.445.734.140

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của tài sản chờ lắp đặt và một số công trình khác.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2024			1/1/2024					
Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2024		1/1/2024					
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con										
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex Hà Nội		100%	361.400.000.000	- (*)			100%	361.400.000.000	- (*)	
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex Hà Nội		100%	254.300.000.000	(78.171.675.970)	(*)		100%	254.300.000.000	(30.931.017.315)	(*)
			615.700.000.000	(78.171.675.970)				615.700.000.000	(30.931.017.315)	
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết										
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP Hải Phòng	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	(66.000.000.000)			43,78%	66.000.000.000	(66.000.000.000)	(**)
			681.700.000.000	(144.171.675.970)				681.700.000.000	(96.931.017.315)	

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì trong năm số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	96.931.017.315	89.287.592.719
Trích lập dự phòng trong năm	47.240.658.655	7.643.424.596
Số dư cuối năm	144.171.675.970	96.931.017.315

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sản văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	28.002.595.823	13.536.086.178	7.800.441.755	16.912.920.380	66.252.044.136
Tăng trong năm	-	-	5.549.733.572	25.144.357.190	30.694.090.762
Phân bổ trong năm	(825.749.554)	(564.003.588)	(5.058.263.703)	(16.700.572.049)	(23.148.588.894)
Số dư cuối năm	27.176.846.269	12.972.082.590	8.291.911.624	25.356.705.521	73.797.546.004

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các công ty liên quan		
Các công ty con của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ	331.207.383	5.141.416.800
Công ty TNHH Castrol BP PETCO – công ty liên kết của công ty mẹ	428.359.912	103.806.935
	759.567.295	5.245.223.735
Các bên khác		
Exxon Mobil Asia Pacific Pte. Ltd.	54.083.697.451	111.989.601.548
Apar Industries Ltd	21.090.729.800	-
HP Group Limited	23.334.047.554	-
TotalEnergies Lubrifiants S.A.	8.794.719.355	8.621.274.669
Các nhà cung cấp khác	34.032.925.261	30.713.417.361
	141.336.119.421	151.324.293.578
	142.095.686.716	156.569.517.313

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2024		Số phát sinh trong năm			31/12/2024	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.090.119.540	345.319.716.925	(140.186.366.406)	(208.284.109.031)	-	939.361.028
Thuế nhập khẩu	-	-	6.919.828.276	(7.152.337.337)	-	232.509.061	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.970.391.292	1.144.788.761	12.986.291.257	(8.316.977.759)	-	-	1.843.710.967
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.803.084.520	28.426.628.820	(28.268.417.700)	-	-	2.961.295.640
Thuế thu nhập cá nhân	-	331.511.108	5.198.680.508	(4.745.651.472)	-	213.269.076	997.809.220
Phí tái chế bảo vệ môi trường	-	-	19.937.684.948	-	-	-	19.937.684.948
Thuế khác	-	-	2.462.118.257	(2.456.250.643)	-	-	5.867.614
	3.970.391.292	8.369.503.929	421.250.948.991	(191.126.001.317)	(208.284.109.031)	445.778.137	26.685.729.417

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng đầu mở nhòn	2.302.432.831	2.678.779.395
Chi phí phải trả khác	99.530.000	57.875.400
	<hr/>	<hr/>
	2.401.962.831	2.736.654.795
	<hr/>	<hr/>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả cổ tức	2.412.723.470	2.231.212.310
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.407.589.559	1.718.421.159
Các khoản phải trả khác	167.193.256	276.411.705
	<hr/>	<hr/>
	4.987.506.285	4.226.045.174
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Vay ngắn hạn**

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	237.450.918.173	865.021.707.783	(790.523.240.407)	311.949.385.549

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,8 – 3,9%	267.051.272.949	84.320.760.592
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	2,9%	35.749.348.649	89.490.228.576
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	4,2%	9.148.763.951	63.639.929.005
			311.949.385.549	237.450.918.173

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	11.196.530.298	12.450.707.101
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	3.598.994.671	10.773.120.591
Sử dụng trong năm	(9.076.839.694)	(12.027.297.394)
Số dư cuối năm	5.718.685.275	11.196.530.298

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 1/1/2023	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	368.413.777.386	20.463.604.691	(7.634.454.090)	1.193.245.837.987
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	111.147.501.286	111.147.501.286
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	650.894.775	-	(650.894.775)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(10.773.120.591)	(10.773.120.591)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(11.127.575)	(11.127.575)
Số dư ngày 1/1/2024	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.064.672.161	20.463.604.691	92.077.904.255	1.293.609.091.107
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	62.531.786.257	62.531.786.257
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	-	(3.598.994.671)	(3.598.994.671)
Chia cổ tức (Thuyết minh số 24)	-	-	-	-	-	-	(96.957.079.200)	(96.957.079.200)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(20.522.401)	(20.522.401)
Số dư ngày 31/12/2024	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.064.672.161	20.463.604.691	54.033.094.240	1.255.564.281.092

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	VND	%
Cổ đông		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100,00%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2023 với số tiền là 96.957.079.200 VND.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	129.152	3.261.224.727	33	787.416
Euro ("EUR")	169	4.412.897	8.330	219.650.164
		<u>3.265.637.624</u>		<u>220.437.580</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	89.976.000.000	47.571.000.000

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.788.032.899.605	1.631.372.730.847
Bán hàng hóa khác	54.609.784.938	48.955.934.198
	<u>1.842.642.684.543</u>	<u>1.680.328.665.045</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Giá vốn hàng bán**

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	1.328.720.121.618	1.269.862.041.177
Giá vốn hàng hóa khác	53.970.898.487	48.218.024.384
	1.382.691.020.105	1.318.080.065.561

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi	4.587.022.198	421.738.281
Lợi nhuận được chia	16.023.263.110	81.604.573.162
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.735.884.765	4.170.787.994
	27.346.170.073	86.197.099.437

30. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	12.991.985.164	24.659.161.795
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.406.225.847	3.311.674.517
Dự phòng tổn thất đầu tư	47.240.658.655	7.643.424.596
Chiết khấu thanh toán	862.130.396	673.013.749
	66.501.000.062	36.287.274.657

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí bán hàng**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	37.326.770.572	28.847.127.412
Chi phí vận chuyển	26.429.808.287	24.584.474.814
Chi phí hỗ trợ bán hàng, quảng cáo, tiếp thị	99.117.646.306	85.191.505.557
Chi phí khấu hao	7.393.093.661	5.491.390.742
Chi phí sửa chữa	5.859.773.873	5.008.856.208
Chi phí bán hàng khác	81.646.120.213	64.656.491.763
	257.773.212.912	213.779.846.496

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	45.596.182.331	39.052.822.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.544.769.714	5.086.640.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.771.260.043	5.893.624.718
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	28.493.461.582	27.957.779.659
	89.405.673.670	77.990.867.004

33. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập từ bồi thường	2.019.451.484	-
Thu nhập từ cho thuê tài sản	1.309.090.908	1.309.090.908
Xử lý thừa kiểm kê	841.438.963	377.093.616
Thu nhập khác	621.142.319	269.521.695
	4.791.123.674	1.955.706.219

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Chi phí khác

	2024 VND	2023 VND
Chi phí hỗ trợ chuyên viên tiếp thị	1.690.230.101	1.255.433.095
Chi phí khác	1.200.763.926	1.569.118.828
	<hr/>	<hr/>
	2.890.994.027	2.824.551.923

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.217.447.043.334	1.007.386.754.183
Chi phí nhân viên	118.691.392.547	91.949.506.208
Chi phí khấu hao và phân bổ	45.018.130.942	44.086.033.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.842.621.601	32.384.541.871
Chi phí khác	230.434.717.840	247.694.199.373
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	12.900.176.942	8.371.363.774
Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước	86.114.315	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.986.291.257	8.371.363.774
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.518.077.514	119.518.865.060
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	15.103.615.503	23.903.773.012
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.001.214.061	788.505.394
Thu nhập không bị tính thuế	(3.204.652.622)	(16.320.914.632)
Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước	86.114.315	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.986.291.257	8.371.363.774
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Cổ tức	76.667.110.800	-
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.823.845.818	2.561.647.509
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.584.148.415	5.246.834.882
Mua hàng hóa	568.327.379	404.616.626
Lợi nhuận được chia	16.023.263.110	81.604.573.162
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</i>		
Bán hàng hóa	1.452.689.100	1.345.340.500
Công ty liên kết của Công ty mẹ		
<i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.453.506.991	12.489.651.497
Các công ty con của Công ty mẹ		
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i>		
Bán hàng hóa	67.067.292.244	67.459.639.990
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	733.309	9.167.321
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	37.488.195.331	39.217.017.740
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	1.835.733	22.256.748
<i>Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh</i>		
Bán hàng hóa	35.769.872.830	33.087.453.180
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	766.277	2.833.323
Các công ty con khác của Công ty mẹ		
Bán hàng hóa	1.248.895.386.853	1.180.046.075.694
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	2.743.613.376	9.324.550.603

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tiền lương, thù lao và thưởng	1.004.526.921	1.120.630.261
Tổng Giám đốc Tiền lương và thưởng	956.692.306	1.067.266.915
Phó Tổng Giám đốc 1 Tiền lương và thưởng	716.457.981	817.117.347
Phó Tổng Giám đốc 2 Tiền lương và thưởng	476.165.981	817.117.347
Phó Tổng Giám đốc 3 Tiền lương và thưởng	716.457.981	817.117.347
Phó Tổng Giám đốc 4 Tiền lương và thưởng	53.067.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị 1 Tiền lương, thù lao và thưởng	956.692.306	1.067.266.915
Thành viên Hội đồng Quản trị 2 Tiền lương, thù lao và thưởng	728.153.981	785.531.108
Thành viên Hội đồng Quản trị 3 Tiền lương, thù lao và thưởng	716.457.981	817.117.347
Thành viên Hội đồng Quản trị 4 Tiền lương, thù lao và thưởng	69.681.144	157.098.222
Thành viên Hội đồng Quản trị 5 Tiền lương, thù lao và thưởng	145.630.797	157.098.222
Thành viên Hội đồng Quản trị 6 Tiền lương, thù lao và thưởng	145.630.797	147.157.754
Thành viên Hội đồng Quản trị 7 Tiền lương, thù lao và thưởng	73.827.000	-
Trưởng Ban Kiểm soát Tiền lương, thù lao và thưởng	728.153.981	785.531.108
Thành viên Ban Kiểm soát 1 Tiền lương, thù lao và thưởng	436.799.838	471.590.367
Thành viên Ban Kiểm soát 2 Tiền lương, thù lao và thưởng	87.359.167	94.322.073

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:

[Signature]

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phường Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



ĐỒNG ĐẠ - TP. HÀ NỘI

Lê Q

Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

